

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/DS-PT

Ngày: 23-10-2018

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Anh.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đăng Phồn và ông Phạm Văn Phần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hoàng - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLPT-DS ngày 14/8/2018 về việc “Đòi lại tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐ-PT ngày 25/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm XĐ, xã DH, huyện Diễn Châu, Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khối N, xã DH, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. (theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2018). Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị H: Ông Trần Đình T - Luật sư văn phòng luật sư số A - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà H, đường LN, phường HD, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khối A, thị trấn DC, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Bà Võ Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm A, xã DT, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H quen biết bà Võ Thị N thông qua sự giới thiệu của bà Võ Thị D, trú tại xóm A, xã DT, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Bà N đã liên lạc với bà H bằng số điện thoại do bà D cung cấp để vận động bà H tham gia đầu tư tài chính vào công ty MLM Việt Nam. Bà N nói với bà H khi đầu tư tiền vào công ty MLM Việt Nam thì sẽ được sử dụng thực phẩm chức năng miễn phí và nhận tiền lãi suất hàng tháng. Đến ngày 28/12/2014, bà H đến nhà bà N để yêu cầu bà N viết giấy cam kết bảo lãnh đối với số tiền là 138.000.000 đồng đầu tư vào công ty MLM Việt Nam với nội dung nếu mất thì bà N phải bỏ tiền nhà ra đền nên mới đồng ý. Sau đó khoảng 4-5 ngày kể từ ngày lập giấy biên nhận tiền ngày 28/12/2014, bà H đi cùng với chồng đến nhà bà N, khi đến nơi thì chồng bà H đứng ngoài cổng, bà H vào nhà trực tiếp giao tiền cho bà N và nhận một số sản phẩm của công ty MLM Việt Nam như thuốc thận, gan, gối, khớp, hoàn lực... Khi giao tiền thì bà H không lập giấy tờ gì thêm. Bà H cho rằng chỉ biết đưa tiền cho bà N, còn bà N có nộp cho công ty gì thì bà H không biết.

Sau khi giao tiền, hàng tháng bà H nhận các sản phẩm của công ty MLM Việt Nam thông qua bà N. Mỗi lần nhận các sản phẩm bà H đều ký vào giấy giao nhận. Đến hết tháng 3/2015, bà H không nhận các sản phẩm nào từ bà N cũng như từ công ty MLM nữa. Đến tháng 10/2015, bà H liên lạc với bà N nhưng không được. Khoảng cuối năm 2016, bà H đến gặp bà N tại nhà để yêu cầu trả lại số tiền nhưng bà N không đồng ý. Khoảng 5 đến 6 tháng sau ngày giao tiền, bà N giao cho bà H số tiền 4.000.000 đồng, bà N có nói đó là tiền lãi của công ty. Bà H chỉ nhận sản phẩm về sử dụng chứ không biết giá trị là bao nhiêu. Bà H cho rằng vì tin tưởng bà N đã viết giấy đảm bảo nếu mất thì sẽ bỏ tiền nhà ra đền nên mới giao tiền. Bà N nhận tiền sử dụng vào mục đích riêng, do đó bà H yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả lại số tiền là 138.000.000 (Một trăm ba mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tiền lãi suất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị H là ông Trần Đình T và người được bà H ủy quyền là bà Hồ Thị T cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn và đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị N phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 138.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Bị đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà N quen bà H thông qua sự giới thiệu của bà Võ Thị D, sinh năm 1972, trú tại xóm A, xã DT, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Sau đó vợ chồng bà H đến trực tiếp gặp bà N tại nhà để hỏi về việc mua hàng của công ty MLM (Tên đầy đủ: Công ty cổ phần, sản xuất thương mại MLM Việt Nam - là công ty đa cấp kinh doanh các sản phẩm chức năng). Sau khi trao đổi về hoạt động của công ty MLM Việt Nam, bà H đã đồng ý tham gia nên đến ngày 28/12/2014, bà H đã đến nhà nhờ bà N chuyển số tiền 138.000.000 đồng đến tài khoản của công ty MLM Việt Nam để tham gia mã bạc. (Thời điểm này, bà N đang làm dịch vụ chuyển

tiền đổi với ngân hàng Viettinbank). Sau khi trao đổi thống nhất với bà H, bà N đã ký giấy biên nhận (đánh máy) với nội dung: “Tôi chuyển số tiền 138.000.000 đồng để tham gia mã bạc công ty MLM Việt Nam. Tôi cam kết đảm bảo số tiền trên cho bà H. Nếu mất tôi bỏ tiền nhà đền cho bà H”. Sau đó vào ngày 29/12/2014, bà N đã chuyển số tiền 138.000.000 đồng vào số tài khoản của công ty MLM Việt Nam, có giấy nộp tiền kèm theo. Sau khi bà N chuyển số tiền của bà H nộp vào công ty MLM Việt Nam thì công ty đã cấp cho bà H một mã số kinh doanh, theo đó bà H tự quản lý mã số của mình và theo dõi các chương trình khuyến mại. Do bà N cũng là người tham gia mua các sản phẩm của công ty MLM Việt Nam nên khoảng từ ngày 28/12/2014 đến ngày 10/3/2015 bà N đã nhận sản phẩm từ công ty gửi về cho cả bà H và bà H đã đến nhà bà N nhận số sản phẩm của công ty có tổng trị giá 83.690.000 đồng. Do bà N cũng là khách hàng của công ty nên mỗi lần đi nhận hàng thì bà H nhờ nhận giúp luôn. Đến ngày 12/6/2015, bà N giao cho bà H một cặp trong đó có 01 Nghị định 42 và một phiếu xuất hàng và không nhận giúp hàng cho bà H nữa.

Bà Trần Thị H yêu cầu trả lại số tiền 138.000.000 đồng, bà N không đồng ý vì số tiền này bà H nhờ bà N nộp cho công ty MLM Việt Nam và bà N đã nộp theo yêu cầu của bà H.

Người làm chứng bà Võ Thị D trình bày:

Bà D có quan hệ bạn bè với bà H và bà N. Bà D và bà N đều mua sản phẩm của Công ty Cổ phần đầu tư, sản xuất và thương mại MLM Việt Nam chuyên kinh doanh các sản phẩm thực phẩm chức năng. Trong quá trình sử dụng sản phẩm, bà D thấy tốt và đang có chương trình khuyến mại thưởng bằng tiền mặt nên giới thiệu cho bà Trần Thị H cùng tham gia. Sau đó bà H trực tiếp liên hệ với bà N để tìm hiểu về hoạt động của công ty MLM Việt Nam. Sau một thời gian thì bà D được biết bà H đã tham gia một gói với số tiền là 138.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền giữa bà H và bà N cụ thể như thế nào bà D không biết. Bà chỉ biết là mấy ngày sau khi bà H nộp tiền, bà N nói lại là bà H đã tham gia gói sản phẩm với số tiền như trên, bà N đã trực tiếp chuyển số tiền của bà H vào tài khoản của công ty MLM Việt Nam thông qua ngân hàng Vietcombank, nhưng còn thiếu 250.000 đồng tiền tài liệu và 63.000 đồng tiền chuyển khoản, do có quen biết thân thiết với bà H nên bà D đã trả cho bà N số tiền 313.000 đồng thay cho bà H.

Bà D cũng nhận một số sản phẩm của công ty gửi về theo địa chỉ của bà N để giao lại cho bà H và bà D còn được bà H cho một lọ kem sâm dưỡng da. Bà D khẳng định cả 3 người đều là người tham gia đầu tư tài chính của công ty MLM Việt Nam. Bà N không phải là nhân viên của công ty như lời khai của bà H, số tiền của bà H đã được bà N chuyển vào tài khoản của công ty MLM Việt Nam chứ bà N không sử dụng số tiền đó. Bà D chỉ mong bà H và bà N thỏa thuận hòa giải với nhau vì thực chất hiện nay công ty MLM Việt Nam không còn hoạt động, vì vậy tất cả người tham gia đều phải chịu thiệt hại chung trong đó có cả bà D và bà N.

Tại Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc buộc bà Võ Thị N trả lại số tiền 138.000.000 đồng cho bà H.

2. Án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 6.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004311 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu, bà Trần Thị H phải nộp thêm 3.450.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 4 năm 2018, bà Trần Thị H làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Diên Châu. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm buộc bà Võ Thị N trả cho bà Trần Thị H số tiền 138.000.000 đồng và xác minh lại giấy chuyển tiền ngày 29/12/2014, bà Võ Thị N chuyển tiền tại Ngân hàng CPTM Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, phòng giao dịch Diên Châu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Quá trình thụ lý, xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 249 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị H đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Trần Thị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xác minh lại giấy chuyển tiền ngày 29/12/2014, bà Võ Thị N chuyển tiền tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Nghệ An, phòng giao dịch Diễn Châu.

Ngày 26/9/2018, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An có công văn trả lời như sau: Ngày 29/12/14, khách hàng Trần Thị H có thực hiện việc chuyển tiền tại Phòng giao dịch Diễn Châu - Chi nhánh Vietcombank Nghệ An với số tiền 138.250.000 đồng cho số tài khoản 0011008268268 - Công ty cổ phần ĐTSX và TMMLM Việt Nam theo giấy nộp tiền số HD-Invoice No: 291214.T350.0092.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận quen biết nhau là do bà Võ Thị D giới thiệu. Ngày 28/12/2014, bà H đến nhà bà N ở khối A, thị trấn DC, huyện Diễn Châu để tìm hiểu về công ty MLM Việt Nam. Bà N đã viết giấy nhận tiền cho bà H với nội dung: Tên tôi là Võ Thị N. Thường trú tại khối A thị trấn DC. Ngày 28/12/2014, tôi nhận của bà Trần Thị H - khối N, DH số tiền 138.000.000 (Một trăm ba mươi tám triệu) đồng để tham gia mã bạc của công ty MLM Việt Nam. Tôi cam kết đảm bảo số tiền trên cho bà Trần Thị H. Nếu mất tôi bỏ tiền nhà đền cho bà Trần Thị H. Người viết giấy: (đã ký) Võ Thị N.

Bà N trình bày, ngày 28/12/2014 bà H đến nhà bà N đưa tiền để nhờ nộp vào công ty, do mới biết nhau nên bà N đã viết giấy nhận tiền có nội dung như trên để bà H yên tâm. Sau khi nhận tiền, ngày 29/12/2014 bà N đã đưa số tiền 138.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị D (cháu bà N) thực hiện lệnh chuyển tiền vào tài khoản của công ty MLM Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, phòng Giao dịch Diễn Châu. Việc chuyển tiền được thể hiện tại chứng từ giao dịch “Giấy nộp tiền” ngày 29/12/2014, người nộp tiền được ghi là Trần Thị H, số tiền nộp là 138.250.000 đồng. Bà N trình bày lý do ghi người nộp tiền Trần Thị H là vì để công ty MLM Việt Nam làm cơ sở cấp mã kinh doanh cho bà H. Bà N nộp tiền thay cho bà H vì thời điểm đó bà N đang làm dịch vụ chuyển tiền đối với ngân hàng Viettinbank. Số tiền nộp vào tài khoản tăng thêm 250.000 đồng so với số tiền bà H nhờ nộp là do công ty MLM Việt Nam yêu cầu nộp thêm để mua tài liệu. Số tiền 250.000 đồng bà D đã trả thay cho bà H. Bà N cho rằng bà không chiếm đoạt số tiền của bà H mà đã nộp vào công ty MLM Việt Nam theo yêu cầu của bà H. Do công ty MLM Việt Nam không còn hoạt động nữa nên phải chịu rủi ro. Bà N không đồng ý trả lại cho bà H số tiền 138.000.000 đồng như yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị H trình bày, ngày 28/12/2014 thực hiện thỏa thuận lập văn bản giao nhận thì khoảng 4-5 ngày bà H mới đến giao tiền mặt cho bà N, đồng thời nhận một số sản phẩm của công ty MLM Việt Nam tại nhà bà N (gồm thuốc thận, gan, gôi, khớp, hoàn lực...), việc nhận sản phẩm của công ty bà H có ký nhận. Bà Võ Thị N đã dùng số tiền này để làm gì thì bà không biết. Bà Võ Thị N đã lợi dụng sự tin tưởng đưa ra những thông tin sai lệch về công ty MLM Việt Nam, vận động tham gia “đầu tư tài chính” vào công ty khiến bà H bị

thiệt hại do đó bà N phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận theo giấy nhận tiền ngày 28/12/2018.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H và người được bà H ủy quyền thống nhất như ý kiến của bà H. Đề nghị Tòa án xử buộc bà Võ Thị N phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 138.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Võ Thị D vẫn giữ nguyên lời khai của mình như ở cấp sơ thẩm. Bà D khẳng định bà H, bà D, bà N là khách hàng tham gia công ty MLM Việt Nam để nhận sản phẩm chức năng và các chương trình khuyến mãi. Khi tham gia thì công ty MLM Việt Nam cấp cho mỗi người một mã kinh doanh để tự theo dõi, quản lý. Do công ty MLM Việt Nam không hoạt động nữa nên mọi người tự chịu rủi ro.

Xét thấy, quá trình xác minh thu thập chứng cứ, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà N, bà D, bà H đều thừa nhận là những người tham gia mua mã bạc của công ty MLM Việt Nam. Bà N, bà D tham gia trước, sau một thời gian thấy công ty có nhiều chương trình khuyến mãi, sản phẩm chức năng dùng tốt cho sức khỏe nên bà D đã giới thiệu cho bà H. Bà H đã đến nhà bà N để tìm hiểu cách thức hoạt động của công ty MLM Việt Nam để tham gia. Bà H đã đưa tiền cho bà N nộp vào tài khoản công ty MLM Việt Nam và bà H đã nhận các tài liệu, chương trình khuyến mại, các loại thuốc là thực phẩm chức năng. Bà H trình bày giao tiền cho bà N nhưng không biết bà N giao cho công ty nào hay làm gì là không có cơ sở vì nội dung giấy biên nhận ngày 28/12/2014 ghi là nhận của bà H số tiền 138.000.000 đồng để tham gia mã bạc của công ty MLM Việt Nam. Bà H thừa nhận ngày 28/12/2014 đã đến nhà bà N để bàn tham gia công ty MLM Việt Nam. Bà H biết được khi tham gia công ty MLM Việt Nam thì được nhận khuyến mãi và được sử dụng các sản phẩm chức năng.

Bà N, bà H mới quen biết qua sự giới thiệu của bà D. Mục đích của bà H, bà N gặp nhau để tìm hiểu hoạt động của công ty MLM Việt Nam. Tại giấy biên nhận đã ghi cụ thể “ngày 28/12/2014, tôi nhận của bà Trần Thị H số tiền 138.000.000 đồng”. Tại sổ của bà N cung cấp cho Tòa án có chữ ký của bà H cũng thể hiện: Ngày 28/12/2014 bà H nộp 138.000.000 đồng và nhận 05 hộp dương cốt, 01 hoàn lực, 01 kem. Vì vậy, lời khai của Bà H là khoảng 4-5 ngày sau khi viết giấy nhận tiền (ngày 28/12/2014) thì mới giao tiền cho bà N là không đúng thực tế.

Mặt khác ngày 29/12/2014, bà N đã nộp 138.250.000 đồng cho công ty MLM Việt Nam mang tên bà H thể hiện bằng chứng từ giao dịch “Giấy nộp tiền” ngày 29/12/2014. Tòa án đã xác minh nội dung “Giấy nộp tiền” ngày 29/12/2014 và được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Nghệ An trả lời: Ngày 29/12/2014, khách hàng Trần Thị H có thực hiện việc chuyển tiền tại Phòng giao dịch Diễn Châu - Chi nhánh Vietcombank Nghệ An với số tiền 138.250.000 đồng cho số tài khoản 0011008268268-Công ty cổ phần ĐTSX và TMMLM Việt Nam theo giấy nộp tiền số HD-Invoice No: 291214.T350.0092.

Như vậy, ngày 29/12/2014, bà N đã nộp tiền cho công ty MLM Việt Nam là có thật và phù hợp với nội dung giấy biên nhận ngày 28/12/2014 là nhận tiền của bà H để tham gia mã bạc của công ty MLM Việt Nam. Sau khi nộp tiền vào tài khoản của công ty MLM Việt Nam bà H cũng đã hưởng các quyền lợi của thành viên tham gia mua mã bạc như nhận tiền lãi suất, nhận sản phẩm của công ty. Do đó, bà H đề nghị căn cứ thỏa thuận của bà N trong giấy biên nhận ngày 28/12/2014 để buộc bà N trả số tiền 138.000.000 đồng là không có căn cứ vì bà N đã thực hiện đúng thỏa thuận như giấy biên nhận ngày 28/12/2014 là gửi số tiền đó vào công ty MLM Việt Nam để tham gia mã bạc. Bà N không giữ, không sử dụng, cũng không làm mất số tiền này của bà H.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng với quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vụ án thụ lý ngày 17/10/2017 nhưng phần quyết định của bản án căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 là không chính xác.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bà Trần Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 của BLDS năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc buộc bà Võ Thị N phải trả số tiền 138.000.000 (Một trăm ba mươi tám triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 6.900.000 (Sáu triệu chín trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 3.450.000 (Ba triệu bốn trăm trăm mười nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004311 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Bà Trần Thị H còn phải nộp tiếp 3.450.000 (Ba triệu bốn trăm trăm mười nghìn) đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004541 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Bà Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Hoàng Ngọc Anh**